

SỰ KHÁC BIỆT VỀ VĂN HÓA GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI ANH VÀ NGƯỜI VIỆT QUA TỤC NGỮ

Võ Thị Dung

Phòng QLKH-HTQT

Tóm tắt. Ngôn ngữ dùng để giao tiếp nhưng mỗi cộng đồng người lại có cách thể hiện riêng. Trước đây, khi ngành khoa học về ngôn ngữ chưa hình thành, nhiều dân tộc đã đúc rút những kinh nghiệm, triết lý của cuộc sống thông qua tục ngữ. Mục đích của bài viết tập trung khảo sát những câu tục ngữ tiếng Anh và tiếng Việt về giao tiếp để tìm những nét đặc trưng trong lối nói của mỗi dân tộc, giúp người học nâng tầm hiểu biết về đất nước con người cũng như ý nghĩa của các câu tục ngữ.

1. Mở đầu

Con người sáng tạo ra ngôn ngữ để giao tiếp chung trong xã hội. Giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động trao đổi thông tin, chuyển tải tư tưởng, tình cảm, tri thức từ người này sang người khác bằng lời nói, chữ viết. Do vậy trong quá trình ngôn giao, người ta luôn quan tâm đến việc tổ chức lời nói sao cho đạt hiệu quả.

Tục ngữ là một bộ phận quan trọng của văn học dân gian mỗi dân tộc. Ở tục ngữ, tính hiện thực của cuộc sống được phản ánh chân thực, phong phú và đa dạng. Vì vậy, nắm vững và sử dụng tục ngữ đúng lúc, đúng chỗ sẽ làm tăng hiệu quả diễn đạt trong giao tiếp. Việc khảo sát đối chiếu tục ngữ tiếng Anh với tục ngữ tiếng Việt để tìm ra những đặc trưng riêng về ngôn ngữ-văn hóa là vấn đề không mới. Nhiều công trình đã đề cập nhưng chưa hệ thống và toàn diện. Bài viết này cũng đi theo hướng nghiên cứu đó, nhưng tập trung khảo sát về mặt chất liệu dùng trong giao tiếp ứng xử của người Anh và người Việt. Qua đó giúp người học hiểu rõ hơn truyền thống nói năng của người Anh và người Việt, hiểu sâu sắc hơn về những triết lý, lời răn dạy trong tục ngữ, đúc rút những kinh nghiệm ứng xử cần thiết trong cuộc sống.

2. Một số đặc trưng ngôn ngữ-văn hóa của tục ngữ Anh - Việt

2.1. Về thái độ

Theo nhận định chung, người Anh vốn trước đây có nguồn gốc văn hoá du mục, sống không quần cư ở một chỗ nhất định, vì thế mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng ít ràng buộc, ít phụ thuộc lẫn nhau. Đặc điểm này phản ánh rất rõ trong tục ngữ. Dựa vào cứ liệu khảo sát cho thấy trong tiếng Anh có rất ít câu tục ngữ đề cập đến các mối quan hệ giữa các thành viên trong xã hội, về thái độ giao tiếp ứng xử kiểu như:

A constant guests is never welcome.

(Áo năng may năng mới, người năng tới năng thường.)

Trái lại, cuộc sống nông nghiệp phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau đã làm người Việt xưa luôn hướng tới sự hài hòa - một giá trị văn hóa có tác động nhiều đến

phong cách giao tiếp của người Việt Nam. Việc giữ gìn các mối quan hệ tốt với các thành viên khác trong xã hội luôn được chú trọng. Trọng tình, lấy tình cảm làm đầu trong quan hệ giao tiếp là nét tính cách điển hình của người Việt xưa gắn với nền văn hoá lúa nước. Nét tính cách này được người Việt xem như một phương châm đối nhân xử thế:

Lời chào cao hơn mâm cỗ.

Chẳng được phẩm oản mâm xôi, cũng được lời nói cho vui tấm lòng.

Lời chào - giá trị tinh thần, mâm cỗ/oản xôi - giá trị vật chất cho thấy với người Việt cách chào hỏi mở đầu rất được coi trọng, thể hiện nhân cách đạo đức của người tham gia giao tiếp. Đặc trưng này trở thành truyền thống đạo đức trong chào hỏi và là lời răn dạy được đúc kết qua nhiều thế hệ đi trước của người Việt về cách cho hơn của cho. “Chào hỏi không chỉ là điều bắt buộc của cuộc giao tiếp có văn hóa mà còn thực hiện mở đầu của chiến lược giao tiếp” [1, tr.22]. Người Việt trước đây để tỏ rõ sự thân tình, gặp nhau mời nhau “miếng trầu” và “Miếng trầu là đầu câu chuyện”. Chính sự giao tiếp hòa hợp đã tạo ra mối quan hệ “*Dao năng liếc năng sắc, người năng chào năng quen*”.

Với người Việt, năng lực sử dụng lời nói trong giao tiếp được dùng để đánh giá con người:

Vàng thì thử lửa thử than, chuông kêu thử tiếng người ngoan thử lời.

Người thanh tiếng nói cũng thanh, chuông kêu sẽ đánh bên thành cũng kêu.

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang, người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.

Đất tốt trồng cây rườm rà, những người thanh lịch nói ra dịu dàng.

Đất rắn trồng cây ngẩng nghiu, những người thô tục nói điều phàm phu.

Khôn ngoan chẳng lọ nói nhiều, người khôn mới nói nửa điều cũng khôn.

Cho dù người Việt rất cởi mở, thích giao tiếp khi họ ở môi trường quen thuộc, nơi tính cộng đồng ngự trị. Còn ở những nơi lạ, tính tự ti của họ lại phát huy, họ tỏ ra rụt rè, nhút nhát. Hai tính cách này tưởng như trái ngược nhưng không mâu thuẫn mà là hai mặt của cùng một bản chất, là biểu hiện lối ứng xử linh hoạt của con người Việt Nam. Tính cộng đồng do ảnh hưởng của văn hoá làng xã khiến người Việt luôn coi trọng danh dự:

Trâu chết để da, người ta chết để tiếng.

Có tiếng còn hơn có miếng.

Giữ miếng chẳng tày giữ tiếng.

Hổ chết về da, người chết về tiếng.

Dù tính cộng đồng ít ảnh hưởng đến lối sống của người Anh nhưng họ luôn trọng danh dự trong nói năng giao tiếp.

A good name is better than riches./A good name is worth gold.

(Tốt danh hơn lành áo.)

A good name is sooner lost than won.

(Mua danh ba vạn, bán danh ba đồng.)

Better a glorious death than a shameful life.

Better die on your feet than live on your knees.

(Chết trong còn hơn sống đục.)

2.2. Về nguyên tắc ứng xử

Trong giao tiếp xã hội, lịch sự là nhân tố đóng vai trò quan trọng. Lịch sự không những có tác động chi phối đến quá trình giao tiếp mà còn ảnh hưởng đến kết quả giao tiếp. Nhiều người quan niệm lịch sự như là một chuẩn mực của xã hội, là hành vi xã hội có lễ độ hay là phép xã giao trong phạm vi văn hoá.

Người Anh và người Việt thể hiện lịch sự trong giao tiếp ứng xử ở những mức độ khác nhau. Người Anh không dựa trên nguyên tắc ứng xử “*kính trên nhường dưới*” như người Việt, mọi người đều bình đẳng trong quan hệ giao tiếp. Dựa trên các cứ liệu được khảo sát cho thấy nhiều câu tục ngữ tiếng Anh và tiếng Việt thể hiện: lịch sự, nhã nhặn, tránh làm mất danh dự người khác và khuyên nói năng phải biết lựa lời, cân nhắc. Lựa lời ở đây không chỉ việc dẫn đo, lựa chọn điều cần nói mà còn là sự suy tính để lựa chọn cách nói như thế nào cho phù hợp với từng đối thể giao tiếp trong tình huống cụ thể. Những lời nói mềm mỏng, thuận tai dễ làm vừa lòng nhau và có thể tiến xa trong giao tiếp. Người Anh thường diễn đạt:

Soft and fair go far.

(Nói ngọt lọt đến xương.)

Good words are worth much and cost little.

(Lời nói, gói bạc.)

Good words cost nought.

(Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.)

All doors open to courtesy.

(Nhã nhặn chia khoá của mọi cửa.)

Người Việt thể hiện việc coi trọng nguyên tắc ứng xử trong giao tiếp kiểu như:

Chim khôn ai nở bấn, người khôn ai nở nói nặng.

Hoa thơm ai nở bỏ rơi, người khôn ai nở nặng lời đến ai.

Nói ngọt lọt đến xương.

Lời nói chẳng mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Người thì xông khói, lời nói xông hương.

Giữ thể diện là một yếu tố rất quan trọng trong khi giao tiếp. “Nhẫn” được coi là một phẩm chất tốt của con người, thể hiện tôn trọng sự hòa hợp trong quá trình ngôn giao.

A soft answer turns away wrath.

(Một câu nhin là chín câu lành.)

A bad compromise is better than a good lawsuit.

(Được kiện mười bốn quan năm, thua kiện mười lăm quan chẵn.)

Người Việt thể hiện:

Một câu nhin là chín câu lành.

Một đời kiện, chín đời thù.

Để tránh cọ xát trong giao tiếp làm mất danh dự, gây hấn thù với người khác người Việt luôn thận trọng trong nói năng, công bằng, khoan dung và hoà hợp với mọi người:

Chẳng được phẩm oản mâm xôi, cũng được lời nói cho vui tấm lòng.

Kim vàng ai nữ uốn câu, người khôn ai nữ nói nhau nặng lời.

Thói tham lam, ích kỷ, hẹp hòi được đề cập nhiều trong các câu tục ngữ và rất khó để thấu hiểu được lòng người:

A honey tongue, a heart of gall.

(Miệng mật, lòng dao.)

The mouth speaks sutras while the heart is a danger.

(Miệng nam mô, bụng một bồ dao găm.)

A mouth of honey, a heart of danger.

(Miệng thơn thớt, dạ ớt ngâm.)

Hoặc:

Miệng thơn thớt, dạ ớt ngâm.

Miệng Nam mô, bụng một bồ dao găm.

Guom hai lưỡi, miệng trăm hình.

Miệng mật, lòng dao.

Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.

Một miệng, hai lòng.

2.3. Về cách thức biểu đạt

Dựa trên các cứ liệu khảo sát cho thấy hơn 70% câu tục ngữ tiếng Anh dù miêu tả, khuyên răn, tâm sự đều thể hiện rõ ràng, đề cập thẳng vào đối tượng. Khuynh hướng này phổ biến, thể hiện cách quan sát của người Anh với hiện tượng đời sống trong xã hội là “quan sát trực tiếp, mắt thấy tai nghe”. Trong ứng xử người Anh có thiên hướng nói thẳng vào vấn đề. Nét văn hoá nói thẳng và trực tiếp về đặc điểm, tính chất của con người và sự vật thể hiện trong tục ngữ Anh rất rõ:

He that talks much, errs much.

(Hương nãng thấp nãng khói, người nãng nói nãng lỗi.)

He knows much, who speaks least.

(Chim khôn chưa bắt đã bay, người khôn ít nói ít hay trả lời.)

The less said the best.

(Ăn bớt bát, nói bớt lời.)

Think twice before you speak once.

(Nghĩ hai lần trước khi nói.)

Trái lại, lối giao tiếp tế nhị, ý tứ khiến người Việt có thói quen giao tiếp “vòng vo tam quốc”, không mở đầu trực tiếp, nói thẳng vào vấn đề như người Anh. Truyền thống của người Việt Nam khi bắt đầu giao tiếp bao giờ cũng hỏi thăm về gia đình, nhà cửa... Để tạo không khí, tỏ rõ sự thân tình người Việt thường chào hỏi nhau và chào hỏi là cái đầu tiên của “câu chuyện”. Mặt khác, lối giao tiếp ưa tế nhị ý tứ của người Việt lại là sản phẩm của lối sống trọng tình cảm, coi trọng các mối quan hệ. Vì vậy đã tạo nên thói quen dẫn đo cân nhắc trong nói năng ở người Việt.

Ăn có nhai, nói có nghĩ.

Ăn nên đọi, nói nên lời.

Chó ba quanh mới năm, người ba năm mới nói.

Gà ba lần vỗ cánh mới gáy, người ba lần ngẫm nghĩ mới nói.

Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe.

Người khôn ăn nói nửa chừng, để cho người dại nửa mừng nửa lo.

Sự dẫn đo cân nhắc khiến người Việt có hạn chế là thiếu tính quyết đoán. Tâm lý trọng sự hoà thuận khiến người Việt luôn nhường nhịn nhau. Trong xã hội thì “*Một câu nhịn là chín câu lành*”; trong gia đình: “*Chồng giận thì vợ bớt lời, cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê*”, “*Anh em chém nhau đàng dọng, không chém nhau đàng lưỡi*”, “*Khôn ngoan đá đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau*”...

2.4. Về vận dụng ngôn từ

Ngôn ngữ có giá trị rất lớn bởi khi giao tiếp người nói không chỉ thuần túy chuyển tải thông tin mà còn thể hiện ý tưởng, tình cảm của mình. Người Anh thường dùng các từ chỉ bộ phận của cơ thể người: *mouth, tongue, ear, lip...* đến các từ chỉ hoạt động nói năng: *tell, speak, say, hear, speech, word, voice, parole, sound...* trong tục ngữ để thể hiện sự nhận xét tinh tế và nghệ thuật trong giao tiếp ứng xử. Các câu tục ngữ như: *He who says big, does a little* (Nói hay, cày dở.); *Great talkers are little doers* (Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa.) lại đề cao tính chân thật, lời nói phải đi đôi với việc làm. Còn những câu như: *Fair words hurt not the mouth* (Những lời nói chân tình không mang họa vào thân.) hay *Good words are worth much and cost little* (Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.), hoặc *Words hurt more than swords* (Lưỡi sắc hơn gươm.) lại đề cao giá trị của lời nói và khẳng định thực tế.

Trong nói năng ứng xử, người Anh luôn đề cao sự kiệm lời, ngắn gọn súc tích. Những câu tục ngữ: *Least said, soonest mended* (Nói ít, sửa nhanh.); hay *He knows much who knows how to hold his tongue* (Chim khôn tiếc lông, người ngoan tiếc lời.) khuyên con người nên kiệm lời và tôn trọng nhau trong nói năng. Còn câu: *He that talks much, errs much* (Hương năng thấp năng khói, người năng nói năng lỗi.) phê phán người nói nhiều, nói quá. Nhưng với những câu, kiểu:

A still tongue makes a wise head.

(Miệng lưỡi làm nên người khôn ngoan.)

A tongue of idle people is never idle.

(Điếc hay ngóng, ngọng hay nói.)

lại thể hiện cách người Anh nhìn nhận, đánh giá con người qua nói năng ứng xử.

Ở tục ngữ của người Việt, các từ liên quan đến lời nói, như: *nói, lời, lời lẽ, tiếng...* hoặc những từ chỉ một số bộ phận của bộ máy cấu âm của con người, như: *miệng, mồm, môi, lưỡi...* được sử dụng đúng chỗ, hòa quyện một cách tự nhiên vào lời nói tạo ra nhiều cung bậc khác nhau. Lời nói có thể làm con người gần gũi, gắn kết *Lời nói được duyên được vợ, lời nói nên vợ nên chồng*. Nhưng lời nói cũng có thể làm cho con người ta ngậm ngùi, đắng cay, đau đớn, kiêu như:

Lời nói cây chết tươi người chết đứng; hay:

Lời nói đau hơn roi vọt.

Vì vậy, khi đề cập đến giá trị của lời nói, người Việt thường dùng một số hình ảnh biểu trưng để so sánh, kiểu:

Lời nói, gói vàng;

Một lời nói, một đọi máu;

Lời nói quan tiền thúng thóc, lời nói dùi đục cầm tay.

Bên cạnh đó, nhiều câu tục ngữ của người Việt khuyên con người nói năng đúng mực, nhã nhặn sẽ thuyết phục được người nghe, có thể tiến xa trong giao tiếp. Ngược lại có những lời nói không những không tạo được mối quan hệ tốt trong giao tiếp mà còn gây họa vào thân, như:

Lời chào cao hơn mâm cỗ;

Lời nói quan tiền thúng thóc, lời nói dùi đục cầm tay.

Lời nói cây chết tươi người chết đứng.

Lời nói, gói tội.

Vì vậy người Việt khuyên dùng lời, bởi:

Lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Như vậy, sự xuất hiện các từ *speak, say, tell, word, mouth, tongue, ear, lip...* trong tục ngữ Anh và *nói, lời, lời lẽ, tiếng, miệng, mồm, môi, lưỡi..* trong tục ngữ Việt làm câu tục ngữ có hình ảnh, sâu sắc, dễ nhớ, dễ đi vào lòng người.

Tóm lại, tục ngữ không chỉ mang tính biểu trưng, gợi hình và biểu cảm mà còn làm lời nói sâu sắc, giàu hình tượng. Tục ngữ nói chung và tục ngữ về giao tiếp nói riêng chứa đựng nhiều nét tiêu biểu cho tinh hoa bản sắc dân tộc. Chính vì vậy, việc hiểu biết và học hỏi về những giá trị trong tục ngữ có vai trò quan trọng trong xu hướng hội nhập hiện nay. Từ sự so sánh đối chiếu ở trên có thể thấy trong tục ngữ tiếng Anh và tiếng Việt về giao tiếp có những điểm chung và những điểm khác biệt rõ rệt giữa hai nền văn hóa.

1. Khác với người Việt, người Anh thường thẳng thắn rõ ràng khi diễn đạt các ý nghĩ hay kết luận của mình. Người Việt ưa thích kiểu nói xa xôi, thường đưa ra những hình ảnh, đặc điểm đối tượng để liên tưởng còn phần kết luận, phần lõi của vấn đề thì nhường lại cho người đọc, người nghe tự suy ngẫm.

2. Về phương diện văn hóa, người Anh thuộc nền văn hóa mang tính cá nhân và bình quyền, trong đó sự tôn trọng quyền tự do cá nhân, không can thiệp vào đời tư và sự bình đẳng được đánh giá cao. Trái lại, người Việt thuộc nền văn hóa mang tính cộng đồng làng xã và tôn ti thứ bậc, trong đó sự quan tâm đến người khác trong cộng đồng (bậc trên hay bậc dưới) được đánh giá cao.

3. Cùng phản ánh các mặt trong cuộc sống cộng đồng xã hội, nhưng ở tục ngữ của người Anh thì tính hiện thực cuộc sống vật chất mà con người hướng tới được thể hiện rất rõ nét. Ngược lại, ở tục ngữ của người Việt lại có xu hướng thiên về khuyên răn con người hoàn thiện về tinh thần.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Báu (2006), *Các đặc trưng văn hóa và ngôn ngữ chào hỏi của người Việt*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống số 4 (126).
2. Phạm Văn Bình (1999), *Tục ngữ và thành ngữ tiếng Anh giàu hình ảnh* (quyển 1 và 2), Nxb Hải Phòng.
3. Chu Xuân Diên (1998), *Tục ngữ Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, H.
4. Lâm Quang Đông (2008), *Một số đặc điểm văn hóa, tâm lý và tính cách dân tộc trong tục ngữ Anh và tục ngữ Việt Nam*, Tạp chí Ngôn ngữ số 7.
5. Nguyễn Văn Nở (2011), *Tìm hiểu triết lý về giao tiếp trong tục ngữ người Việt và tục ngữ các dân tộc khác*, Tạp chí Ngôn ngữ số 2.
6. Mieder.W, *Proverbs are out of season*, Nxb. Oxford University Press, London, 1993.
7. Norricl, N.R. (1985), *Trend in Linguistics: How Proverbs mean*, Nxb Mouton Amsterdam.
8. Vũ Ngọc Phan, *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam*, Nxb. Văn học, 2004.

9. Nguyễn Quý Thành (1998), *Dấu ấn văn hóa trong tục ngữ*, Tạp chí Văn hóa dân gian, số 4, tr. 76-79.
10. Phạm Văn Vĩnh (2003), *Tục ngữ so sánh*, Nxb Hà Nội.

Abstract. Language is normally used to communicate in society but each group expresses it in different ways. In the past, many ethnic groups summarized their experience, philosophy about their lives in proverbs. Like other forms of folklore, proverbs may serve as impersonal vehicle for personal communication. This article aims to demonstrate the treasure of valuable knowledge of English and Vietnamese proverbs in communication in order to find out some features in each ethnic group's speech and also helps the learners understand more clearly about the nation, its culture and history.